

**HỘI ĐỒNG THI TUYỂN
VIÊN CHỨC NĂM 2009**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 1 năm 2010

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2009

Môn thi: THI VIẾT, VẤN ĐÁP VÀ NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28, 30 và 31/12/2009

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị công tác	Viết	Vấn đáp	Ngoại ngữ
1	09001	Huỳnh Nguyệt Anh	21/5/1981	Phòng Tổ chức cán bộ	77	95	XMCC
2	09002	Lê Nguyễn Mai Anh	11/12/1981	Khoa Khoa học	61	82	60
3	09003	Nguyễn Quốc Bình	19/3/1976	Khoa Lâm nghiệp	59	89	M
4	09004	Trương Quang Bình	31/8/1980	Khoa Thủy sản	73	86	M
5	09005	Võ Thị Thanh Bình	5/12/1975	Khoa Thủy sản	83	81	M
6	09006	Lâm Bích Châu	15/02/1979	Phòng Hành chính	77	99	70
7	09007	Đỗ Ngọc Côi	28/6/1975	Phòng Đào tạo	71	83	XMCC
8	09008	Cao Thị Ngọc Cương	29/10/1984	Khoa Môi trường và Tài nguyên	70	78	XMCC
9	09009	Nguyễn Văn Cường	11/10/1979	Phòng Đào tạo	58	81	XMCC
10	09010	Nguyễn Kiên Cường	20/8/1981	Khoa Chăn nuôi Thú y	70	96	M
11	09011	Đặng Kiên Cường	29/02/1972	Phòng Công tác sinh viên	74	93	M
12	09012	Nguyễn Thanh Điền	15/01/1983	Viện NCCNSH&MT	72	72	XMCC
13	09013	Võ Văn Đông	31/12/1983	Khoa Môi trường và Tài nguyên	65	80	M
14	09014	Phạm Ngọc Dung	15/7/1981	Phòng Hành chính	76	85	70
15	09015	Văn Ngọc Dung	11/9/1982	Viện NCCNSH&MT	80	86	XMCC
16	09016	Phạm Tiến Dũng	8/8/1980	Thư viện	73	81	60
17	09017	Hoàng Thị Hương Giang	6/26/1974	Phòng Quản lý NC Khoa học	76	86	M
18	09018	Trần Thị Trường Giang	20/9/1982	Phòng Tổ chức cán bộ	63	84	XMCC
19	09019	Phan Triều Giang	23/11/1970	K.Lâm nghiệp	57	91	M
20	09020	Trần Thị Kim Hà	17/2/1983	Phòng Công tác sinh viên	63	84	XMCC
21	09021	La Vĩnh Hải Hà	14/8/1970	Khoa Lâm nghiệp	68	77	M
22	09022	Trần Thị Thu Hà	27/2/1982	Viện NCCNSH&MT	73	58	M
23	09023	Lê Thị Ngọc Hân	21/12/1983	Khoa Thủy sản	80	90	M
24	09024	Lê Thúy Hằng	15/02/1984	Bộ môn SPKTNN	76	89	XMCC
25	09025	Nguyễn Thị Kiều Hạnh	18/8/1984	Khoa Cơ khí - Công nghệ	80	91	M
26	09026	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	4/7/1983	Khoa Quản lý đất đai & BĐS	74	79	70
27	09027	Trần Minh Hào	24/02/1975	Trung tâm Tin học	69	79	M
28	09028	Nguyễn Văn Hiệp	25/5/1976	Khoa Chăn nuôi Thú y	59	83	M
29	09029	Đinh Thị Minh Hiếu	10/11/1982	Bộ môn công nghệ hóa	74	77	M
30	09030	Lê Trọng Hiếu	15/3/1981	Khoa Nông học	74	86	M
31	09031	Đặng Lê Hoa	23/09/1976	Khoa Kinh tế	76	85	M
32	09032	Trần Thị Việt Hoà	10/9/1972	Khoa Quản lý đất đai & BĐS	71	83	60
33	09033	Tăng Thị Kim Hồng	30/5/1969	Khoa Lâm nghiệp	54	92	M
34	09034	Phan Tại Huân	7/8/1978	Khoa Công nghệ thực phẩm	73	76	M
35	09035	Võ Thị Thúy Huệ	30/10/1980	Viện NCCNSH&MT	73	63	M
36	09036	Lê Thành Hưng	3/3/1978	Khoa Kinh tế	BT	BT	BT

37	09037	Võ Thành	Hưng	23/5/1976	Khoa Quản lý đất đai & BĐS	73	75	M
38	09038	Nguyễn Minh Xuân	Hương	19/11/1981	Phòng Đào tạo	74	83	XMCC
39	09039	Trần Đình	Hương	10/5/1967	Viện NCCNSH&MT	73	77	60
40	09040	Trần Thị Thanh	Hương	8/17/1974	Khoa Khoa học	80	87	M
41	09041	Thái Nguyễn Diễm	Hương	12/11/1983	Khoa Nông học	70	94	M
42	09042	Nguyễn Như Nguyên	Hương	19/6/1978	Khoa Chăn nuôi Thú y	63	80	60
43	09043	Nguyễn Thị Thanh	Hương	15/11/1959	Khoa Nông học	70	81	M
44	09044	Lê Văn	Huy	23/4/1983	Viện NCCNSH&MT	68	67	M
45	09045	Trần Thị Thu	Huyền	30/8/1977	Phòng Thanh tra Giáo dục	72	71	XMCC
46	09046	Ng Đặng Thị Cúc	Huyền	14/11/1983	Khoa Ngoại ngữ	59	89	M
47	09047	Huỳnh Vĩnh	Khang	27/9/1984	Viện NCCNSH&MT	BT	BT	BT
48	09048	Lê Nguyễn Phương	Khanh	14/3/1983	Khoa Chăn nuôi Thú y	78	92	XMCC
49	09049	Đoàn Trần Vĩnh	Khánh	11/4/1985	Khoa Chăn nuôi Thú y	73	87	XMCC
50	09050	Bùi Quốc	Khoa	12/7/1983	Khoa Cơ khí - Công nghệ	66	72	XMCC
51	09051	Trần Thị Kim	Khoa	30/8/1981	Ký túc xá	49	78	XMCC
52	09052	Hoàng	Kim	27/12/1953	Khoa Nông học	65	91	M
53	09053	Hồ Ngọc	Kỳ	16/9/1981	Khoa Khoa học	73	92	M
54	09054	Lê Vũ Thụy	Lam	24/3/1984	Phòng Tổ chức cán bộ	71	92	M
55	09055	Nguyễn Việt	Lâm	17/8/1980	Khoa Ngoại ngữ	63	97	60
56	09056	Nguyễn Văn	Lâm	9/4/1981	Bộ môn Công nghệ sinh học	48	67	40
57	09057	Hoàng Thị	Lan	16/01/1982	Phòng Công tác sinh viên	77	74	XMCC
58	09058	Lê Phương	Lan	24/8/1969	Phòng Kế hoạch Tài chính	77	81	XMCC
59	09059	Nguyễn Hoàng	Liêm	20/12/1972	Trung tâm Tin học	78	90	M
60	09060	Nguyễn Thùy	Linh	23/9/1981	Khoa Thủy sản	75	89	M
61	09061	Nguyễn Thị Kim	Loan	25/11/1976	Khoa Chăn nuôi Thú y	68	85	M
62	09062	Cao Thị Thanh	Loan	24/11/1985	Viện NCCNSH&MT	74	82	M
63	09063	Trần Hữu	Lộc	13/01/1984	Khoa Thủy sản	68	77	M
64	09064	Tô Tấn	Long	1/2/1964	Phòng Quản lý NC Khoa học	76	82	M
65	09065	Trịnh Thị Phi	Ly	7/3/1983	Viện NCCNSH&MT	65	74	M
66	09066	Bùi Thị	Mai	15/5/1980	Khoa Kinh tế	72	84	M
67	09067	Trần Thị Thúy	Mai	21/02/1970	Trung tâm Tin học	71	80	M
68	09068	Trương Tuệ	Minh	20/7/1984	Đoàn trưởng	45	74	M
69	09069	Nguyễn Văn	Minh	18/02/1978	Phòng Kế hoạch Tài chính	67	78	XMCC
70	09070	Nguyễn Thị Bình	Minh	28/01/1982	Khoa Kinh tế	73	73	M
71	09071	Trần Văn	Minh	2/4/1978	Khoa Thủy sản	65	84	50
72	09072	Trần Hữu	Minh	19/01/1968	Phòng Công tác sinh viên	BT	BT	BT
73	09073	Nguyễn Minh	Nam	26/02/1984	Viện NCCNSH&MT	66	68	M
74	09074	Hoàng Thị Thu	Nga	24/02/1980	Khoa Công nghệ thực phẩm	BT	BT	BT
75	09075	Hồ Thị	Nga	27/01/1964	Khoa Chăn nuôi Thú y	81	90	M
76	09076	Vũ Thành	Ngân	1/6/1984	Khoa Ngoại ngữ	BT	BT	BT
77	09077	Bùi Đại	Nghĩa	15/12/1981	Khoa Khoa học	67	93	M
78	09078	Hồ Đắc	Nghĩa	20/6/1970	Khoa Khoa học	BT	BT	BT
79	09079	Đặng Thị Như	Ngọc	19/5/1984	Phòng Quản trị vật tư	71	77	M
80	09080	Lê Hữu	Ngọc	/09/1977	Khoa Chăn nuôi Thú y	59	85	XMCC
81	09081	Nguyễn Trí	Nguyễn	1/1/1983	Khoa Cơ khí - Công nghệ	58	76	XMCC
82	09082	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	25/10/1978	VP Công đoàn	64	81	M
83	09083	Đặng Thị	Nha	9/9/1974	Khoa Nông học	BT	BT	BT
84	09084	Đặng Thị Thanh	Nhàn	3/12/1980	Khoa Lâm nghiệp	35	92	M
85	09085	Đinh Thế	Nhân	3/3/1973	Khoa Thủy sản	44	91	M
86	09086	Bùi Thị Cẩm	Nhi	7/6/1983	Khoa Môi trường và Tài nguyên	BT	BT	BT

87	09087	Phạm Thị	Nhiên	10/11/1980	Khoa Kinh tế	63	73	M
88	09088	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	10/1/1984	Khoa Chăn nuôi Thú y	76	85	XMCC
89	09089	Nguyễn Vũ	Phong	6/1/1980	Bộ môn Công nghệ sinh học	56	76	M
90	09090	Nguyễn Thanh	Phong	17/02/1984	Khoa Cơ khí - Công nghệ	55	81	XMCC
91	09091	Nguyễn Đình	Phú	10/12/1980	Khoa Nông học	65	91	M
92	09092	Bùi Thị Kim	Phụng	22/10/1980	Khoa Chăn nuôi Thú y	77	78	M
93	09093	Phan Xuân	Phước	27/02/1968	Trung tâm HTSV&QHDN	71	74	70
94	09094	Bùi Thị Cẩm	Phương	15/9/1984	Phòng Sau đại học	69	78	80
95	09095	Lê Thụy Bình	Phương	19/8/1982	Khoa Chăn nuôi Thú y	68	77	XMCC
96	09096	Lê Thị Tiểu	Phượng	16/08/1982	K. Ngoại ngữ	70	91	M
97	09097	Ngô Hồng	Phượng	10/10/1979	Khoa Chăn nuôi Thú y	63	80	M
98	09098	Lương Hồng	Quang	20/4/1979	Khoa Công nghệ thực phẩm	56	80	M
99	09099	Nguyễn Đình	Quát	25/07/1975	Khoa Chăn nuôi Thú y	79	89	M
100	09100	Ong Mộc	Quý	4/10/1980	Khoa Thủy sản	68	94	M
101	09101	Trần Lê Như	Quỳnh	15/5/1984	Khoa Công nghệ thông tin	76	80	XMCC
102	09102	Phạm Quỳnh Thái	Sơn	17/3/1982	Bộ môn công nghệ hóa	49	72	XMCC
103	09103	Nguyễn Đức Công	Song	1/8/1980	Khoa Công nghệ thông tin	65	94	M
104	09104	Nguyễn Thị Kim	Tài	22/3/1979	Khoa Lâm nghiệp	67	86	M
105	09105	Lê Thị Thanh	Tâm	16/9/1978	Phòng Quản lý NC Khoa học	70	76	60
106	09106	Nguyễn Ngọc	Tân	26/6/1982	Đoàn trường	74	67	XMCC
107	09107	Nguyễn Văn	Tạng	18/02/1979	Khoa Khoa học	BT	BT	BT
108	09108	Dương Mỹ	Thắm	25/8/1983	Khoa Ngoại ngữ	72	94	M
109	09109	Nguyễn Thụy Đan	Thanh	2/2/1975	Khoa Thủy sản	71	83	M
110	09110	Biện Thị Lan	Thanh	21/01/1984	Bộ môn Công nghệ sinh học	64	75	XMCC
111	09111	Lê Thị	Thanh	26/7/1980	Trung tâm NCBQCB Rau-Quả	69	60	70
112	09112	Trần Phan Phương	Thảo	24/8/1984	Phòng Kế hoạch Tài chính	72	89	XMCC
113	09113	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16/9/1984	Bộ môn SPKTTN	66	76	XMCC
114	09114	Tiêu Nguyên	Thảo	11/5/1983	Khoa Kinh tế	BT	BT	BT
115	09115	Ngô Vy	Thảo	1/9/1985	Khoa Môi trường và Tài nguyên	75	77	M
116	09116	Bùi Thị Phương	Thảo	1/4/1986	Khoa Môi trường và Tài nguyên	69	82	XMCC
117	09117	Đặng Thị Xuân	Thiệp	19/05/1982	Khoa Chăn nuôi Thú y	74	88	70
118	09118	Mai Anh	Thơ	9/7/1979	Khoa Công nghệ thông tin	79	83	M
119	09119	Lê Quang	Thông	27/12/1976	Khoa Chăn nuôi Thú y	82	96	M
120	09120	Hà Thị Ngọc	Thương	15/11/1983	Bộ môn SPKTTN	67	92	50
121	09121	Đoàn Thị Phương	Thùy	7/2/1980	Khoa Khoa học	76	95	M
122	09122	Nguyễn Ngọc	Thùy	30/12/1970	Khoa Kinh tế	68	75	M
123	09123	Vương Thị	Thùy	9/5/1983	Khoa Môi trường và Tài nguyên	83	89	M
124	09124	Trần Hồng	Thùy	8/16/1969	Khoa Thủy sản	69	85	M
125	09125	Hồ Thị Trường	Thy	28/6/1980	Khoa Thủy sản	84	82	M
126	09126	Lê Hồng Thủy	Tiên	21/10/1984	Bộ môn Công nghệ sinh học	66	76	XMCC
127	09127	Trịnh Thị	Tiện	1/10/1972	Phòng Hợp tác quốc tế	72	86	M
128	09128	Trịnh Thanh	Toàn	9/7/1977	Trung tâm HTSV&QHDN	68	73	XMCC
129	09129	Nguyễn Thị Phương	Trâm	15/10/1981	Khoa Công nghệ thông tin	66	76	XMCC
130	09130	Hồ Ngọc	Trâm	25/10/1983	Khoa Ngoại ngữ	64	93	M
131	09131	Tô Thị Nhã	Trâm	19/10/1983	Bộ môn Công nghệ sinh học	77	75	XMCC
132	09132	Cao Phước Uyên	Trân	27/01/1981	Khoa Chăn nuôi Thú y	71	85	M
133	09133	Trần Nguyễn Hạ	Trang	25/12/1980	Bộ môn công nghệ hóa	76	69	M
134	09134	Phạm Quỳnh	Trang	20/12/1981	Bộ môn SPKTTN	72	82	XMCC
135	09135	Nguyễn Văn	Trọng	20/12/1979	Bộ môn Lý luận chính trị	72	78	M
136	09136	Trương Quang	Trường	1/14/1981	Khoa Cơ khí - Công nghệ	63	91	M
137	09137	Khuông Lâm Minh	Tuấn	26/10/1983	Phòng Đào tạo	68	78	XMCC

138	09138	Huỳnh Ngọc Anh	Tuấn	1/1/1983	Khoa Môi trường và Tài nguyên	63	83	XMCC
139	09139	Trần Văn	Tuấn	25/9/1978	Trung tâm Năng lượng và MNN	64	90	M
140	09140	Lê Ánh	Tuyết	24/8/1978	Khoa Lâm nghiệp	64	95	M
141	09141	Nguyễn Huy	Vũ	22/7/1977	Khoa Môi trường và Tài nguyên	BT	BT	BT
142	09142	Vương Hồ	Vũ	8/9/1983	Viện NCCNSH&MT	70	68	M
143	09143	Vũ Bá	Xích	09/02/1965	Khoa Cơ khí Công nghệ	76	86	M
144	09144	Đinh Thị Minh	Xuân	11/7/1983	Khoa Lâm nghiệp	67	81	XMCC

BAN COI THI

BAN CHẤM THI

BAN THƯ KÝ

Olana
Nguyễn Văn Năm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
HIỆU TRƯỞNG
TS. Trịnh Trường Giang

GHI CHÚ:

1. BT : Bỏ thi

2. M: Miễn thi

3. XMCC : Đang xác minh chứng chỉ ngoại ngữ

LƯU Ý: Thí sinh có các môn thi đạt từ 50 điểm trở lên và M sẽ được xem xét bổ nhiệm vào ngạch, bậc phù hợp

Thí sinh đã đạt các môn thi trên 50 điểm nhưng chờ xác minh chứng chỉ ngoại ngữ sẽ bổ nhiệm khi đã có kết quả xác minh hợp pháp.

